

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUY NHƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 305/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2025

V/v ly hôn giữa ông Anh và bà Hòa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phối

2. Ông Nguyễn Tấn Bình

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thành Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1132/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường G, TP., T. B; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

-Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1960; Địa chỉ: G K, P. Q, TP., T. B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-12-2024 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Ngọc A trình bày:

Ông và bà Trần Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được UBND phường L (nay là phường T), thành phố Q, tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 23/3/2009, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhưng không kỹ. Sau khi kết hôn, kể từ ngày chung sống, vợ chồng ông thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, do ông làm ăn thất bại, thu nhập không có dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, từ đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc. Từ năm 2018 vợ chồng ông sống ly thân cho đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm trách nhiệm gì

với nhau, cả hai cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị H để ông ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị H không có con chung nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Trần Thị H đến Tòa để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, do đó Tòa không lấy được lời khai của bà Trần Thị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ngọc A được ly hôn với bà Trần Thị H; Về con chung: Ông A và bà H không có con chung nên không xem xét; Về tài sản chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Ngọc A, là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 11-3-2025. Bà Trần Thị H, là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và

Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của ông A, căn cứ bản sao trích lục kết hôn số 184/TLKH-BS ngày 20/11/2024 của UBND phường L (nay là P.T), TP Q, tỉnh Bình

Định, căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc A và bà Trần Thị H là hôn nhân hợp pháp. Ông A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H vì mâu thuẫn giữa ông và bà H đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2018, tình cảm không còn, không ai còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà H đến Tòa để khai báo, hòa giải tạo điều kiện cho bà H hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H có tình vắng mặt. Điều này thể hiện bà H thực sự không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến việc ông A yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa ông A và bà H không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, do đó hôn nhân giữa ông A và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông A là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Ông A và H không có con chung, ông không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trần Ngọc A là người cao tuổi, thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí (ông A có đơn xin miễn nộp tiền án phí) nên không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông A là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Trần Ngọc A được ly hôn với bà Trần Thị H.
2. Về nuôi con chung: Ông A và bà H không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.
4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Ông Trần Ngọc Athuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí nên không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Ông Trần Ngọc Ađược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000992 ngày 10/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Ngọc Avà bà Trần Thị Hcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-VKSND TP . Quy Nhơn;

- UBND P. Trần Phú (cũ là P. Lý Thường Kiệt),

TP. Quy Nhơn, T. Bình Định;

(ĐKKH số 13/23.3.2009)

-Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Kim Anh